

Số: 2696 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2401/QĐ-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Quyết định số 1891/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch và phân công thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Căn cứ Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4146/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4702/QĐ-BNN-CĐS ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BCĐ của Chính phủ về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS và Đề án 06 (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC, CĐS.

legit *u*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày /7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Luật An ninh mạng;
- Luật Giao dịch điện tử;
- Luật Dữ liệu;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về việc Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

- Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030";

- Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Ban hành Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;

- Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành nông nghiệp và môi trường, cung cấp dịch vụ số nhanh chóng, thuận tiện, an toàn; thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước minh bạch thông qua môi trường số; sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích, xử lý thông minh dữ liệu tổng hợp, đa ngành để đưa ra chính sách chính xác, kịp thời; cung cấp dữ liệu mở ngành nông nghiệp và môi trường; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Nâng bậc xếp hạng Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) và góp phần nâng xếp hạng bộ chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ năm 2025.

- 100% quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được đồng bộ, thống nhất trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số đạt 100%.

- Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của bộ đạt 100%.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy) đạt 100%.

- Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của các bộ theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của bộ được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống đạt 100%.

- Đến hết năm 2025, 85% hồ sơ dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn đạt 100%.

- Mức độ hài lòng tiếp nhận, giải trong quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của Bộ đạt 100%.

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Bộ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 85% cuộc họp trên môi trường trực tuyến, sử dụng tài liệu điện tử thay thế cho tài liệu giấy.

- 100% công chức được trang bị chữ ký số, định danh xác thực một lần trên các hệ thống của Bộ.

- 50% hoạt động kiểm tra của Bộ được thực hiện thông qua môi trường số và hệ

thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 60% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- 100% các hệ thống thông tin của Bộ được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; 100% máy chủ, máy trạm của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; 100% hệ thống thông tin cấp độ 3, 4, 5 được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; 100% các đơn vị trực thuộc Bộ có bộ phận chuyên trách/cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2025, xác định nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng, hoàn thiện quy định kỹ thuật thống nhất về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy định về thu thập, lưu trữ, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số; tạo lập hành lang pháp lý để phát triển dịch vụ nội dung số về nông nghiệp và môi trường.

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ số ngành nông nghiệp và môi trường phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục duy trì, vận hành hạ tầng số dung chung tại Bộ, cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán, xử lý cho các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ các Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Triển khai nền tảng kết nối mạng lưới thiết bị IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số để thiết lập nền tảng số thu nhận dữ liệu nông nghiệp và môi trường toàn quốc.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số của bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống lưu trữ điện tử chuyên ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Nhân lực số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia phục vụ chuyển đổi số tại Bộ Nông nghiệp và môi trường.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, công tác chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trên cơ sở dữ liệu của các địa phương và hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin cho quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- Xây dựng, triển khai giải pháp, nền tảng công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake) dùng chung, hình thành kho dữ liệu nông nghiệp và môi trường làm cơ sở tổng hợp, phân tích, xử lý và ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (machine learning).

- Tiếp tục chuẩn hóa, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản hành chính, cơ sở dữ liệu nội bộ, ứng dụng triển khai công nghệ khai phá, xử lý văn bản đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành, thực hiện công tác hành chính.

6. Nền tảng số

Tiếp tục hoàn thiện, phát triển các hệ thống nền tảng dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

7. An toàn thông tin mạng

- Giám sát an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và các Trung tâm dữ liệu của Bộ; phát hiện và xử lý kịp thời các lỗ hổng, nguy cơ mất an toàn và các cuộc tấn công mạng, không để xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

- Thường xuyên kết nối, chia sẻ dữ liệu về mã độc, giám sát với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia (NCSC).

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh và bảo mật thông tin đối với các hệ thống thông tin của Bộ; đối với các hệ thống thông tin quan trọng, để bảo

đảm an toàn thông tin theo 4 lớp, phải được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin do đơn vị độc lập thực hiện.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật bảo đảm toàn bộ máy chủ và máy trạm của Bộ được cài đặt các phần mềm phòng chống phần mềm độc hại; tổ chức khắc phục điểm yếu, gỡ bỏ mã độc cho các máy chủ tại các Trung tâm Dữ liệu và máy tính cá nhân tại các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ.

- Tổ chức diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng và ứng cứu sự cố cho các hệ thống thông tin của Bộ.

8. Chính phủ số

- Hoàn thiện, đổi mới quy định, chuẩn hoá, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; quy trình hành chính nội bộ; cải cách hành chính; kiện toàn tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu quả; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; nâng cao trình độ công nghệ, đào tạo kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực... trong chuyển đổi số, trên môi trường số.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Chính phủ số, nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch, phục vụ và làm hài lòng người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển, vận hành các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, các ứng dụng, dịch vụ phục vụ nội bộ, chuyên ngành sử dụng công nghệ phân tích, xử lý thông minh trên các nền tảng số phục vụ công tác hoạch định chính sách, quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Đưa vào vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống điều hành thông minh (IOC) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết nối với Trung tâm Thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

9. Kinh tế số và xã hội số

- Tổ chức xây dựng, triển khai, đánh giá các nền tảng dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nội dung số, hệ sinh thái số, truy xuất nguồn gốc nông nghiệp, nông thôn số, nông dân số, phát triển kinh tế số, xã hội số ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên các nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về nông nghiệp và môi trường.

10. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Thực hiện Kế hoạch triển khai Ngày Chuyển đổi số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tế, thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức số.

- Xây dựng kênh thông tin để công bố các bài toán lớn về chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường để tiếp nhận sáng kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong, ngoài nước để giải quyết các bài toán.

- Tiếp tục tuyên truyền, tham gia vào các kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác, hoạt động chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (mạng xã hội, hội thảo, diễn đàn...) và khuyến khích chia sẻ sáng kiến, cách làm hay trong công tác chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường, gắn kết chặt chẽ công tác chuyển đổi số với cải cách hành chính; nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ, nhất là thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc triển khai chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch nhằm đạt mục tiêu đề ra của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động và người dân, doanh nghiệp

- Quán triệt, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, gắn với các chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Đổi mới toàn diện phương thức hoạt động, xây dựng văn hóa làm việc phù hợp với quá trình phát triển Chính phủ số.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trong vận hành Chính phủ số, chuyển đổi số. Ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần thay đổi phương thức người dân tương tác với cơ quan nhà nước, hình thành văn hóa số cho người dân.

- Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Đề xuất các chính sách ưu tiên thiết thực trong thu hút, ưu đãi, bố trí, đào tạo, sử dụng nhân lực, cán bộ kỹ thuật về chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để thu hút chuyên gia, nguồn lực phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

- Hợp tác với các đối tác phát triển trong ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới